

Chi tiết mã HS 3305

|                     |                                                                                                                  |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mã HS               | 3305                                                                                                             |
| Mô tả hàng hóa      | Chế phẩm dùng cho tóc                                                                                            |
| Đơn vị              |                                                                                                                  |
| Thời điểm tạo       | 31/10/2026 16:46:26                                                                                              |
| Phiên bản dữ liệu   | 2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx                                                                       |
| Trạng thái xác minh | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| Liên kết            | https://vietnamtariff.com/hs-code/3305/                                                                          |

5 dòng thuế thuộc 3305

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                      | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT                |
|------------|---------------------------------------------------------------------|--------|----------------------|-----|--------------------|
| 3305.10.10 | Chế phẩm dùng cho tóc / - Dầu gội đầu: / - - Có tính chất chống nấm | kg/lít | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3305.10.90 | Chế phẩm dùng cho tóc / - Dầu gội đầu: / - - Loại khác              | kg/lít | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3305.20.00 | Chế phẩm dùng cho tóc / - Chế phẩm uốn tóc hoặc làm duỗi tóc        | kg/lít | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3305.30.00 | Chế phẩm dùng cho tóc / - Keo xịt tóc (hair lacquers)               | kg/lít | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3305.90.00 | Chế phẩm dùng cho tóc / - Loại khác                                 | kg/lít | 30%                  | 20% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.